

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HS-ST
Ngày: 11-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Ông Thùng Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Tố Uyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân khu vực 5 – Điện Biên xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Thùng Văn T; sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 tại tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Bản M 1, xã M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước C dân: 011207006xxx, ngày cấp 09/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C an; Con ông Thùng Văn Ch và bà Lò Thị Ph; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2026 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Thùng Văn T: Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1994, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Bị hại: Anh Lèng Văn Ng, sinh năm 2000; Địa chỉ: Bản M 3, xã M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Cháu Tao Văn H, sinh ngày 20/8/2009, có mặt; người đại diện hợp pháp: ông Tao Văn Th, sinh năm 1990, là bố đẻ, có mặt (ông Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án); cùng địa chỉ: Bản M 2, xã M, tỉnh Điện Biên.

2. Cháu Thùng Văn N, sinh ngày 09/4/2010, có mặt; người đại diện hợp pháp: Ông Thùng Văn Ch, sinh năm 1972, là bố đẻ, vắng mặt và bà Lèng Thị T1, sinh năm 1976, là mẹ đẻ, có mặt (ông Ch và bà T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án); cùng địa chỉ: Bản M 1, xã M, tỉnh Điện Biên.

3. Cháu Sùng A K, sinh ngày 20/01/2010, vắng mặt; người đại diện hợp pháp: Ông Sùng A D, sinh năm 1989, là bố đẻ, có mặt (ông D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án); cùng địa chỉ: Bản H3, xã M, tỉnh Điện Biên.

4. Cháu Khoàng Văn Q, sinh ngày 25/9/2009, có mặt; người đại diện hợp pháp: Ông Khoàng Văn H3, sinh năm 1984, là bố đẻ, có mặt và bà Mào Thị Ng, sinh năm 1989, là mẹ đẻ, có mặt (Ông H3 và bà Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án); cùng địa chỉ: Bản M 1, xã M, tỉnh Điện Biên.

5. Cháu Lò Thành C, sinh ngày 08/6/2011, vắng mặt; người đại diện hợp pháp: Ông Lò Văn V, sinh năm 1985, là bố đẻ, có mặt (Ông V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án); địa chỉ: Bản M 3, xã M, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/7/2025, anh Lèng Văn Ng đến C an xã M, tỉnh Điện Biên trình báo về việc mất tài sản là 01 chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, biển kiểm soát 27B1-656.21 của anh Ng để ở vỉa hè trước cửa nhà tại bản M 3, xã M, tỉnh Điện Biên. Qua điều tra, xác minh Cơ quan cảnh sát điều tra C an tỉnh Điện Biên xác định Tao Văn H, Thùng Văn T, Thùng Văn N, Khoàng Văn Q, Sùng A K và Lò Thành C là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Lèng Văn Ng, cụ thể như sau:

Vào tháng 7/2025, Tao Văn H, Thùng Văn N và Khoàng Văn Q làm thuê cho quán phở Nùng của bà Trần Diu S tại bản M 3, xã M, tỉnh Điện Biên. Đối diện quán phở Nùng là cửa hàng của anh Lèng Văn Ng, Tao Văn H quan sát thấy chiếc xe YAMAHA, loại xe EXCITER, màu xanh – xám – đen, biển kiểm soát 27B1-656.21 của anh Ng để ở vỉa hè, ít khi sử dụng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Vào trưa ngày 21/7/2025, Tao Văn H đã đưa cho Khoàng Văn Q 5.000 đồng để sang nhà anh Ng mua kem và quan sát xem camera lắp đặt trong nhà anh Ng có hoạt động không. Khoàng Văn Q sau khi sang tìm hiểu về nói cho H biết camera nhà anh Ng đã hỏng, không hoạt động. Sau đó, H hẹn Q và Nh tối ngày 21/7/2025 đi chơi Bi-a tại quán Hường Chung thuộc bản M 2, xã M, tỉnh Điện Biên. Khi H, Nh, Q tới quán Bi-a Hường Chung, thì H bảo với Nh và Q đi rủ Thùng Văn T đến chơi cùng. Cả 03 người đi bộ về hướng Nhà văn hóa xã M (cũ), trên đường đi H mượn điện thoại của Nh, rồi đăng nhập tài khoản Facebook

của H gọi qua ứng dụng Messenger cho T đến quán Hướng Chung chơi Bi-a, rồi H, Nh, Q tiếp tục quay lại quán Hướng Chung chơi. Trong lúc cả 03 người đang chơi Bi-a thì có Sùng A K vào chơi cùng, một lúc sau thì Thùng Văn T đi bộ tới. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, chủ quán Bi-a bảo 05 người đi về để quan đóng cửa. Tao Văn H rủ cả nhóm đi bộ lên hướng cửa hàng nhà anh Ng. Khi 05 người đi lên đến cửa hàng nhà anh Ng thì quán đã đóng cửa, thấy chiếc xe mô tô của anh Ng để ở vỉa hè trước cửa quán, H rủ T, Nh, Q, K thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe, tất cả đều đồng ý. H là người dắt xe mô tô, còn T, Nh, Q, K đẩy xe mô tô phía sau, từ vỉa hè ra đường tỉnh lộ 145B, rồi vào trong ngõ nhỏ, đi ra đường bê tông của bản M 2, xã M tới đầu cầu đi sang bản N5, xã M thì cả nhóm dừng lại, cạy yếm nhựa, đấu nối dây điện để mở khóa xe nhưng không mở được. H tiếp tục dắt xe, những người còn lại đẩy xe tới cổng bản M 1, xã M. Lúc này, T bảo cả nhóm dừng lại để T về nhà lấy xe gắn máy biển kiểm soát 27AL-000.08 của T và dây thừng kéo chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được. H buộc đoạn giữa dây thừng vào đầu xe mô tô biển kiểm soát 27B1-656.21, còn 02 đầu buộc vào xe gắn máy của T. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy, kéo chiếc xe biển kiểm soát 27B1-656.21, còn H dắt xe, những người còn lại đẩy chiếc xe về nhà T cất giấu. Cả nhóm mang chiếc xe trộm cắp được cất giấu trong nhà vệ sinh cũ, sau chuồng vịt nhà T, rồi lấy bạt che đậy chiếc xe mô tô lại.

Đến khoảng 22 giờ ngày 22/7/2025, Nh và H đến nhà T để mang chiếc xe trộm cắp được cất giấu ở nơi khác. H mượn điện thoại của Nh để gọi cho Sùng A K và Lò Thành C qua Messenger, hẹn đến cổng bản M 1 để đẩy chiếc xe trộm cắp được đi cất giấu. Lúc này K đang chơi ở nhà C nên cả 02 cùng đi bộ đến cổng bản M 1 đợi H. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T, Nh, H mang chiếc trộm cắp được từ trong nhà vệ sinh cũ của gia đình T, tới cổng bản M 1, thì gặp K và C đang đợi. H dắt xe mô tô, còn T, Nh, K, C đẩy phía sau xe, đi từ cổng bản M 1 tới khu xử lý rác thải của xã M, khi đi ngã ba gần trạm bơm xăng thì K dừng lại đợi ở ngã ba đường, không đẩy nữa. Trong lúc đẩy xe, Lò Thành C hỏi H về nguồn gốc chiếc xe mô tô và H trả lời là chiếc xe trộm cắp của anh Lèng Văn Ng, bảo C đẩy giúp, nếu bán được xe sẽ chia tiền cho C, C đồng ý và tiếp tục đẩy xe. Cả nhóm dắt và đẩy xe mô tô vào khu xử lý rác thải của xã M thuộc bản H4, xã M, tỉnh Điện Biên. Thùng Văn T đứng ở đường nhựa, lúi rúi vào bãi rác chờ, còn H tiếp tục dắt xe, Nh và C đẩy xe tới một bãi đất bằng phẳng rồi cất giấu xe ở đó. H bảo C và Nh đi ra ngoài chờ trước, còn H bẻ cành cây phủ lên chiếc xe. Cả nhóm bảo nhau để 01, 02 ngày nữa sẽ lên xem chiếc xe, rồi đi bộ quay về, đến ngã ba đường thì gặp Sùng A K đang đợi, K được H cho biết là đã giấu xe ở bãi rác. Đến sáng ngày 23/7/2025, H nhắn tin cho Nh thỉnh thoảng lên xem xe và Nh đồng ý. Khoảng 03 ngày sau, Nh đến nhà T rủ T lên bãi rác kiểm tra xe mô tô, T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 27AL-000.08 chở Nh lên bãi rác thì không thấy chiếc xe mô tô đâu nữa. Nh và T thấy lá cây khô vứt xung quanh, mặt đất có vết quay xe và vết lốp xe, cả 02 đi dọc đường nhựa về hướng bản H4, xã M nhưng không tìm thấy xe. Nh có gọi điện hỏi H có biết chiếc xe đang ở đâu không, thì H nói không biết.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã thu giữ 01 xe gắn máy biển kiểm soát 27AL-000.08 của Thùng Văn T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2901/KL-HĐĐGTS, ngày 03/09/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, biển kiểm soát 27B1-656.21, chứng nhận đăng ký xe tháng 12/2017, trị giá 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSKV5, ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Điện Biên đã truy tố bị cáo Thùng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản theo” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Thùng Văn T một lần nữa đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Lèng Văn Ng có ý kiến như sau: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận về việc bị cáo và người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án liên đới bồi thường giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô YAMAHA, loại xe EXCITER, biển kiểm soát 27B1-656.21 của anh Ng, do không tìm lại được với tổng số tiền là 27.000.000 đồng, chia kỷ phần 06 người là 4.500.000 đồng đối với mỗi người, 05 người đã bồi thường được 22.500.000 đồng, còn 4.500.000 đồng, yêu cầu ông Lò Văn V (bố đẻ cháu Lò Thành C) tiếp tục bồi thường.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của Tao Văn H, Thùng Văn N, Khoàng Văn Q, Sùng A K, Lò Thành C đều nhất trí với lời khai của Thùng Văn T và thỏa thuận bồi thường thiệt hại của anh Lèng Văn Ng. Đối với ông Lò Văn V (bố đẻ của Lò Thành C) nhất trí thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho anh Lèng Văn Ng nhưng do mẹ đẻ của cháu Lò Thành C đã mất, gia đình ông V hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên ông V chưa thực hiện được việc bồi thường được ngay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Điện Biên giữ quyền C tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Thùng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; đề nghị xử phạt bị cáo Thùng Văn T 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị hại anh Lèng Văn Ng với bị cáo Thùng Văn T và người đại diện hợp pháp của Tao Văn H, Thùng Văn N, Khoàng Văn Q, Sùng A K, Lò Thành C về việc liên đới bồi thường cho anh Ng với tổng số tiền là 27.000.000 đồng, trong đó chia kỷ phần 4.500.000 đồng cho mỗi người, đã bồi thường được 22.500.000 đồng, ông Lò Văn V phải bồi thường 4.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe gắn máy, loại xe dưới 50 cm³, nhãn hiệu NAMOTOR, biển kiểm soát 27AL-000.08.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho bị cáo; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị hại anh Lèng Văn Ng.

Người bào chữa cho bị cáo Thùng Văn T trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức hình phạt áp dụng, bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng của bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo để cân nhắc mức hình phạt phù hợp trong đề nghị của Kiểm sát viên. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, khi nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Thùng Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 23 giờ ngày 21/7/2025, lợi dụng sơ hở của anh Lèng Văn Ng để xe mô tô trên vỉa hè trước cửa nhà, Tao Văn H đã rủ Thùng Văn T, Thùng Văn N, Khoàng Văn Q, Sùng A K lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hãng YAMAHA, loại xe EXCITER, biển kiểm soát 27B1-656.21 của anh Ng, trị giá 27.000.000 đồng tại bản M 3, xã M, tỉnh Điện Biên, để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô, cả nhóm đã mang về nhà bị cáo Thùng Văn T tại bản M 1, xã M, tỉnh Điện Biên cất giấu trong nhà vệ sinh cũ rồi lấy bạt phủ lên. Đến khoảng 23 giờ ngày 22/7/2025, H rủ thêm Lò Thành C cùng với Thùng Văn N, Sùng A K và bị cáo Thùng Văn T mang chiếc xe mô tô trộm cắp được lên khu xử lý rác thuộc bản Huổi Sang, xã M để cất giấu. Khoảng 03 ngày sau, bị cáo Thùng Văn T và Thùng Văn N đi lên khu xử lý rác để kiểm tra chiếc xe mô tô trộm cắp của anh Ng thì không tìm thấy chiếc xe mô tô nữa. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố (BL 139 - 167), phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 39 – 54), phù hợp với lời khai của bị hại (135 – 137) và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (BL 171 – 142) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Thùng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5

– Điện Biên đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, có tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội không lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã M. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Bị cáo Thùng Văn T cùng với các cháu Tao Văn H, Thùng Văn N, Khoàng Văn H, Sùng A K và Lò Thành C cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án người khởi xướng là cháu Tao Văn H, sinh ngày 20/8/2009, bị cáo Thùng Văn T và cháu Thùng Văn N, sinh ngày 09/4/2010, cháu Sùng A K, sinh ngày 20/01/2010, cháu Khoàng Văn Q, sinh ngày 25/9/2009 đều là người thực hành; cháu Lò Thành C, sinh ngày 08/6/2011 là người giúp sức. Tại thời điểm phạm tội các cháu Tao Văn H, Thùng Văn N, Sùng A K, Khoàng Văn Q, Lò Thành C đều là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự các cháu không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội ít nghiêm trọng, C an xã M, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các cháu về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt cảnh cáo, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Thùng Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã bồi thường thiệt hại chia theo kỷ phần cho anh Ng với số tiền 4.500.000 đồng, anh Ng cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có ông nội là ông Thùng Văn Ph, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba theo Quyết định số 292-KT/CTN, ngày 11/4/2001. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, với hành vi mà bị cáo và những người liên quan đã thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, để bị cáo cải tạo bản thân và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo

các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là anh Lèng Văn Ng đã thỏa thuận liên đới bồi thường thiệt hại với bị cáo Lò Văn T và người đại diện hợp pháp của Tao Văn H, Thùng Văn N, Khoàng Văn Q, Lò Thành C và Sùng A K về việc bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe mô tô bị mất của anh Ng là 27.000.000 đồng, trong đó kỷ phần bằng nhau là 4.500.000 đồng một người, trong đó bị cáo và những người đại diện của Thùng Văn N, Khoàng Văn Q, Sùng A K, Tao Văn H đã bồi thường xong cho anh Ng với tổng số tiền là 22.500.000 đồng, còn lại 4.500.000 đồng người đại diện hợp pháp của Lò Thành C là ông Lò Văn V chưa bồi thường được. Tại phiên tòa, ông V và anh Ng nhất trí thỏa thuận, ông V có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 4.500.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của bị hại với bị cáo và người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng là chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 27AL-000.08 của Thùng Văn T sử dụng làm phương tiện kéo chiếc xe mô tô trộm cắp để đi cất giấu, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hãng YAMAHA, loại xe EXCITER, biển kiểm soát 27B1-656.21 của anh Lèng Văn Ng bị trộm cắp, chưa thu giữ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn đang truy tìm chiếc xe mô tô và điều tra xác minh vụ việc, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này.

Đối với chiếc điện thoại của Thùng Văn N, Thùng Văn T, Lò Thành C, Sùng A K dùng để liên hệ với nhau về việc trộm cắp tài sản, 01 chiếc dây dừng của Thùng Văn T dùng để kéo chiếc xe mô tô, cơ quan điều tra không thu giữ được, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Xét đề nghị của những người bào chữa: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức hình phạt áp dụng, bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng của bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo để cân nhắc mức hình phạt phù hợp trong đề nghị của Kiểm sát viên. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Điện Biên, Kiểm sát

viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa bị cáo, bị hại, ông Lò Văn V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo, bị hại và ông Lò Văn V đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Thái) sống tại xã M, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị hại và ông Lò Văn V.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thùng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thùng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 12/01/2026.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589, của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị hại Lèng Văn Ng với bị cáo Thùng Văn T và người đại diện hợp pháp của Tao Văn H, Thùng Văn N, Khoàng Văn Q, Sùng A K, Lò Thành C về việc liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Lèng Văn Ng với tổng số tiền là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), đã bồi thường được 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó kỷ phần như sau: Bị cáo Thùng Văn T bồi thường 4.500.000 đồng (đã bồi thường theo biên bản giao nhận tiền ngày 31/01/2026); người đại diện hợp pháp của Tao Văn H bồi thường 4.500.000 đồng (đã bồi thường theo biên bản giao nhận tiền ngày 02/3/2026); người đại diện hợp pháp của Sùng A K bồi thường 4.500.000 đồng (đã bồi thường theo biên bản giao nhận tiền ngày 29/01/2026); người đại diện hợp pháp của Thùng Văn N bồi thường 4.500.000 đồng (đã bồi thường theo biên bản giao nhận tiền ngày 12/02/2026); người đại diện hợp pháp của Khoàng Văn Q bồi thường 4.500.000 đồng (đã bồi thường theo biên bản giao nhận tiền ngày 27/01/2026); người đại diện

hợp pháp của Lò Thành C là ông Lò Văn V phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 4.500.000 đồng cho bị hại Lèng Văn Ng theo tỷ phần đã chia.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe gắn máy, loại xe dưới 50 cm³, nhãn hiệu NAMOTOR, màu sơn: Đen, bạc; số máy: RNA1P39FMBR03323, số khung: RL9BCBRUMMBG03323; biển kiểm soát 27AL-000.08, xe không có yếm, xe cũ, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Điện Biên và Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Điện Biên).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Thùng Văn T; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lèng Văn Ng và ông Lò Văn V.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 11/3/2026. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 – Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng GDKT, TT & THA;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ và người đại diện;
- Người bào chữa;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV-LLTP C an tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

- Phân trại tạm giam M;
- Lưu HS: VA, THAHS.